

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn  
Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tuấn Dũng**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>433.655.348.191</b>	<b>166.564.810.500</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>12.294.049.516</b>	<b>5.743.999.298</b>
111	1. Tiền		12.294.049.516	5.743.999.298
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000	1.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>354.867.673.390</b>	<b>148.095.192.420</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	195.526.472.364	134.498.692.420
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	10.454.784.652	4.566.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	25.000.000.000	9.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	123.886.416.374	30.000.000
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>65.529.995.657</b>	<b>11.915.391.896</b>
141	1. Hàng tồn kho		65.529.995.657	11.915.391.896
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>962.629.628</b>	<b>809.226.886</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	38.138.336	47.085.838
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		924.491.292	762.141.048
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>74.255.686.007</b>	<b>160.506.201.762</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>21.591.365.934</b>	<b>12.899.575.181</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.591.365.934	12.899.575.181
222	- Nguyên giá		33.373.058.979	20.429.358.979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.781.693.045)	(7.529.783.798)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	<b>49.000.000.000</b>	<b>144.591.124.753</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		49.000.000.000	144.591.124.753
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.664.320.073</b>	<b>3.015.501.828</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.664.320.073	3.015.501.828
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>507.911.034.198</b>	<b>327.071.012.262</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>91.984.793.620</b>	<b>65.664.747.996</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>91.984.793.620</b>	<b>65.664.747.996</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	68.986.629.578	18.252.601.228
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		662.200.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.254.569.406	1.125.405.097
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	218.357.891
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.010.856	-
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	12.823.000.000	37.823.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.245.383.780	8.245.383.780
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>415.926.240.578</b>	<b>261.406.264.266</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>415.926.240.578</b>	<b>261.406.264.266</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		321.671.440.000	171.671.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		321.671.440.000	171.671.440.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		39.750.000.000	39.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.122.691.890	4.122.691.890
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.067.201.730	43.596.928.631
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		43.688.413.076	27.610.397.186
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.378.788.654	15.986.531.445
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.314.906.958	2.265.203.745
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>507.911.034.198</b>	<b>327.071.012.262</b>



*[Signature]*

Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập

*[Signature]*

Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2022		Quý I năm 2021		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	59.761.009.098	61.004.720.960	59.761.009.098	61.004.720.960	59.761.009.098	61.004.720.960	61.004.720.960	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-	-	-	-	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.761.009.098	61.004.720.960	59.761.009.098	61.004.720.960	59.761.009.098	61.004.720.960	61.004.720.960	
11	4. Giá vốn hàng bán	19	56.728.698.473	55.156.151.226	56.728.698.473	55.156.151.226	56.728.698.473	55.156.151.226	55.156.151.226	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.032.310.625	5.848.569.734	3.032.310.625	5.848.569.734	3.032.310.625	5.848.569.734	5.848.569.734	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	726.153.263	750.838	726.153.263	750.838	726.153.263	750.838	750.838	
22	7. Chi phí tài chính	21	604.225.760	17.771.918	604.225.760	17.771.918	604.225.760	17.771.918	17.771.918	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		604.225.760	17.771.918	604.225.760	17.771.918	604.225.760	17.771.918	17.771.918	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-	-	-	-	
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-	-	-	-	
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	614.288.749	393.172.813	614.288.749	393.172.813	614.288.749	393.172.813	393.172.813	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.539.949.379	5.438.375.841	2.539.949.379	5.438.375.841	2.539.949.379	5.438.375.841	5.438.375.841	
31	12. Thu nhập khác		-	-	-	-	-	-	-	
32	13. Chi phí khác		-	-	-	-	-	-	-	
40	14. Lợi nhuận khác		-	-	-	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ  
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số  
226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội,  
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2022		Quý I năm 2021		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.539.949.379	5.438.375.841	271.918.791	2.539.949.379	5.438.375.841	271.918.791	5.438.375.841	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		125.658.811			125.658.811				
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.414.290.568	5.166.457.050		2.414.290.568	5.166.457.050		5.166.457.050	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.378.788.654	5.115.513.818		2.378.788.654	5.115.513.818		5.115.513.818	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		35.501.914	50.943.232		35.501.914	50.943.232		50.943.232	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu									
								119	298	

Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/03/2022	đến ngày 31/03/2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.539.949.379	5.438.375.841
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.821.874.046	307.703.382
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(186.106.560)	(750.838)
06	- Chi phí lãi vay		604.225.760	17.771.918
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.779.942.625	5.763.100.303
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(150.370.550.630)	21.380.711.972
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(53.614.603.761)	(28.909.811.274)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		51.436.126.192	11.105.740.683
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(639.870.743)	28.985.614
14	- Tiền lãi vay đã trả		(822.583.651)	(17.771.918)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(300.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(147.531.539.968)	9.350.955.380
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(16.000.000.000)	(22.000.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		45.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		81.590.186	750.838
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		29.081.590.186	(21.999.249.162)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.723.000.000	7.100.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(27.723.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		125.000.000.000	7.100.000.000

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/03/2022	đến ngày 31/03/2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.550.050.218	(5.548.293.782)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.743.999.298	8.402.797.697
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>12.294.049.516</u>	<u>2.854.503.915</u>



Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 321.671.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 321.671.440.000 đồng; tương đương 32.167.144 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sắn lát và ngô hạt sấy.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2022 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98,14%	98,14%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần HongHa Pharma	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	98,00%	98,00%	Kinh doanh thực phẩm chức năng

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 08 năm

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

## **2.17 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## **2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## **2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Vào ngày 16/03/2022 đến ngày 22/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà ("Tập đoàn") đã hoàn tất việc mua thêm 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọc Lạc Xanh với tổng giá phí đầu tư là 60.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 54,55% vốn chủ sở hữu trong Công ty này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lạc Xanh đã tăng từ 45,45% lên 100% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lạc Xanh từ công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn.

Vào ngày 16/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà ("Tập đoàn") đã hoàn tất việc mua thêm 5.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần HongHa Pharma với tổng giá phí đầu tư là 53.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 53% vốn chủ sở hữu trong Công ty này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã tăng từ 45% lên 98% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần HongHa Pharma từ công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm 31/03/2022 đã bao gồm hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lạc Xanh và Công ty Cổ phần HongHa Pharma.

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	12.240.165.497	5.730.010.485
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.884.019	13.988.813
	<u><u>12.294.049.516</u></u>	<u><u>5.743.999.298</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường  
Liêu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Vật tư nông nghiệp Hồng Hà	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.081.533.154
- Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh (*)	-	-	50.000.000.000	50.161.718.623
- Công ty Cổ phần HongHa Pharma (*)	-	-	45.000.000.000	45.343.845.753
- Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.004.027.223
	<b>49.000.000.000</b>	<b>49.000.000.000</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>144.591.124.753</b>

(\*) Tại 31/03/2022, Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh và Công ty Cổ phần HongHa Pharma là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà. Do đó 02 công ty con này được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2022.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tập đoàn Hanco Việt Nam	23.167.570.992	-	22.026.885.712	-
Công ty CP HDC Hà Nội	20.407.107.335	-	22.725.618.390	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Đồng Nai	18.846.005.000	-	-	-
Công ty CP Tinh bột sắn Elmaco Ninh Bình	14.461.336.050	-	35.497.041.935	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu An Việt Mỹ	14.452.542.990	-	-	-
Công ty TNHH HT Brothers Việt Nam	13.964.069.700	-	-	-
Công ty TNHH Sài Gòn Đồng Khởi	10.892.898.640	-	10.892.898.640	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	9.179.126.105	-	9.179.126.105	-
Công ty TNHH TMDV Chiến Thắng	8.811.975.510	-	8.811.975.510	-
Công ty TNHH XNK Lâm Thành Đạt	7.823.546.000	-	8.088.546.000	-
Công ty TNHH Nông sản Hoàng Hải Tây Bắc	5.266.553.555	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	48.253.740.487	-	17.276.600.128	-
	<b>195.526.472.364</b>	<b>-</b>	<b>134.498.692.420</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thực phẩm Sạch Nesviet	488.594.552	-	-	-
Nguyễn Thị Ngọc	2.500.000.000	-	-	-
Đỗ Thị Miện	2.000.000.000	-	-	-
Ông Lò Văn Độ - Ứng tiền mua nông sản	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Ông Lò Văn Sợi - Ứng tiền mua nông sản	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đối tượng khác	966.190.100	-	66.500.000	-
	<b>10.454.784.652</b>	<b>-</b>	<b>4.566.500.000</b>	<b>-</b>

**8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cho vay cá nhân	25.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.516.374	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	44.400.000	-	30.000.000	-
Hợp tác đầu tư nông sản	17.000.000.000	-	-	-
Chi đặt cọc tiền đất	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Hàm Tân - Hợp tác kinh doanh	15.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Đồng Nai - Hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác	1.237.500.000	-	-	-
Phải thu khác	50.500.000.000	-	-	-
	<b>123.886.416.374</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.455.964.291	-	-	-
Thành phẩm	21.679.393.818	-	10.419.339.689	-
Hàng hoá	39.394.637.548	-	1.496.052.207	-
	<b>65.529.995.657</b>	<b>-</b>	<b>11.915.391.896</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
 Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn  
 Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư đầu năm	9.994.000.480		6.206.558.499		4.228.800.000		20.429.358.979	
- Tăng do hợp nhất	-		12.943.700.000		-		12.943.700.000	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.994.000.480</b>		<b>19.150.258.499</b>		<b>4.228.800.000</b>		<b>33.373.058.979</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư đầu năm	2.926.186.087		4.383.347.711		220.250.000		7.529.783.798	
- Tăng do hợp nhất	-		3.821.874.046		-		3.821.874.046	
- Khấu hao trong kỳ	124.925.013		172.960.188		132.150.000		430.035.201	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.051.111.100</b>		<b>8.378.181.945</b>		<b>352.400.000</b>		<b>11.781.693.045</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày đầu năm	7.067.814.393		1.823.210.788		4.008.550.000		12.899.575.181	
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.942.889.380</b>		<b>10.772.076.554</b>		<b>3.876.400.000</b>		<b>21.591.365.934</b>	
<i>Trong đó:</i>								
- Tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.228.800.000 đồng và 3.876.400.000 đồng đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy.								



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
 Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	23.138.337	42.710.835
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4.375.003
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.999.999	-
	<u><b>38.138.336</b></u>	<u><b>47.085.838</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (*)	2.932.251.310	2.985.243.805
Phần mềm kế toán	2.177.076	3.483.328
Công cụ dụng cụ	35.267.718	26.774.695
Chi phí thiết bị, vật tư vận hành	694.623.969	-
	<u><b>3.664.320.073</b></u>	<u><b>3.015.501.828</b></u>

(\*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
 Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu 5T	22.818.560.697	-	5.249.285.360	-
Công ty TNHH ĐTTM Phúc Thọ	15.237.892.768	-	-	-
Công ty CP Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	10.377.905.694	-	-	-
Công ty Cổ phần Hatra Holdings	7.704.660.200	-	-	-
Công ty CP Dịch vụ Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	5.169.008.250	-	-	-
Công ty CP Thực phẩm sạch Nesviet	3.824.201.814	-	-	-
Công ty CP VBM Bắc Bộ	2.665.687.320	-	5.500.026.740	-
Công ty CP Thực phẩm Lành Mai Châu	-	-	6.226.820.200	-
Đối tượng khác	1.188.712.835	-	1.276.468.928	-
	<b>68.986.629.578</b>	<b>-</b>	<b>18.252.601.228</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường  
Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.125.405.097		402.277.323		300.000.000		-		1.227.682.420	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		26.886.986		-		-		26.886.986	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		12.000.000		12.000.000		-		-	
	-		<b>1.125.405.097</b>		<b>441.164.309</b>		<b>312.000.000</b>		-		<b>1.254.569.406</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	8.589.867	-
- Bảo hiểm y tế	3.887.466	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	533.523	-
	<b>13.010.856</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/03/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	7.100.000.000	7.100.000.000	-	-	7.100.000.000	7.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy (2)	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng (3)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (4)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>37.823.000.000</b>	<b>37.823.000.000</b>	<b>2.723.000.000</b>	<b>27.723.000.000</b>	<b>12.823.000.000</b>	<b>12.823.000.000</b>

(1) Là khoản vay ngắn hạn giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà với Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 18/2/2021. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại nông sản. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ xã dân phố Cáo Đình 3, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội số CV 479941, số vào sổ cấp GCN: CS-BTL19906 do Sở tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 08/09/2020 cho ông Nguyễn Văn Bình và Bà Nguyễn Thị Lương theo hợp đồng thế chấp số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 03/2/2021.

(2) Là khoản vay giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2122399159HDTDHM ký ngày 11 tháng 8 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là: 3.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 03 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 12 tháng, khi kết thúc mỗi kỳ 12 tháng mà bên được cấp tín dụng không có đề xuất tiếp tục sử dụng hạn mức thì hợp đồng này chấm dứt; lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản là 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi nhãn hiệu Volvo, biển số xe 30H-150.70, giá trị của tài sản đảm bảo là 3.890.000.000 đồng.

(3) Là khoản vay giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà với Ông Nguyễn Tuấn Dũng theo Hợp đồng vay tiền số 03.11/2021/HĐVT-HSL ngày 03 tháng 11 năm 2021. Số tiền vay là: 25.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021, lãi suất cho vay là 6%/năm. Trong Quý 1 năm 2022, Công ty đã tất toán khoản vay này.

(4) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Đề nghị vay vốn kiểm phương án sử dụng vốn kiểm hợp đồng hạn mức thấu chi số SGO2021188994/HĐHMTTC ký ngày 09 tháng 7 năm 2021. Tổng nhu cầu vốn sử dụng là: 3.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động. Thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 09/07/2021 đến ngày 09/07/2022. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng đến 31/7/2021 là: 15,2%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo được áp dụng theo lãi suất của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh và cam kết thanh toán bởi bên bảo đảm là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND					
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>171.671.440.000</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>3.882.587.497</b>	<b>28.638.148.057</b>	<b>2.026.766.965</b>	<b>245.968.942.519</b>	
Lãi/lỗ trong năm 2021	-	-	-	15.986.531.445	238.436.781	16.224.968.226	
Trích lập các quỹ	-	-	240.104.393	(720.313.179)	-	(480.208.786)	
Điều chỉnh hồi tố chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2021	-	-	-	(307.437.693)	-	(307.437.693)	
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>171.671.440.000</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>4.122.691.890</b>	<b>43.596.928.630</b>	<b>2.265.203.746</b>	<b>261.406.264.266</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>171.671.440.000</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>4.122.691.890</b>	<b>43.596.928.630</b>	<b>2.265.203.746</b>	<b>261.406.264.266</b>	
Tăng vốn trong kỳ này	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	2.378.788.654	35.501.914	2.414.290.568	
Tăng do hợp nhất công ty con tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	2.016.651.393	2.016.651.393	
Tăng giảm/khác do hợp nhất	-	-	-	91.484.446	(2.450.095)	89.034.351	
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>	<b>321.671.440.000</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>4.122.691.890</b>	<b>46.067.201.730</b>	<b>4.314.906.958</b>	<b>415.926.240.578</b>	

(\*) Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-DHĐCĐ/HSL ngày 09/12/2021. Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT/HSL ngày 08/03/2022 của Hội đồng quản trị về việc thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo đó công ty thực hiện chào bán là 15.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm 150.000.000.000 đồng. Ngày 28/03/2022 Trung tâm lưu ký chứng khoán đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 07/2018/GCNCNP-VSD-4 cho công ty về việc đăng ký bổ sung 15.000.000 cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	321.671.440.000	100,00%	171.671.440.000
	<b>100%</b>	<b>321.671.440.000</b>	<b>100%</b>	<b>171.671.440.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	321.671.440.000	171.671.440.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	171.671.440.000	171.671.440.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	150.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	321.671.440.000	171.671.440.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.167.144	17.167.144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.167.144	17.167.144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.167.144	17.167.144
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.122.691.890	4.122.691.890
	<b>4.122.691.890</b>	<b>4.122.691.890</b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.761.009.098	61.004.720.960	59.761.009.098	61.004.720.960
	<b>59.761.009.098</b>	<b>61.004.720.960</b>	<b>59.761.009.098</b>	<b>61.004.720.960</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý I năm 2022</u>	<u>Quý I năm 2021</u>	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.728.698.473	55.156.151.226	56.728.698.473	55.156.151.226
	<u><u>56.728.698.473</u></u>	<u><u>55.156.151.226</u></u>	<u><u>56.728.698.473</u></u>	<u><u>55.156.151.226</u></u>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý I năm 2022</u>	<u>Quý I năm 2021</u>	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	186.106.560	750.838	186.106.560	750.838
Chênh lệch giá gốc và giá trị hợp lý của khoản đầu tư khi hợp nhất	540.046.703	-	540.046.703	-
	<u><u>726.153.263</u></u>	<u><u>750.838</u></u>	<u><u>726.153.263</u></u>	<u><u>750.838</u></u>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý I năm 2022</u>	<u>Quý I năm 2021</u>	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Lãi tiền vay	604.225.760	17.771.918	604.225.760	17.771.918
	<u><u>604.225.760</u></u>	<u><u>17.771.918</u></u>	<u><u>604.225.760</u></u>	<u><u>17.771.918</u></u>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý I năm 2022</u>	<u>Quý I năm 2021</u>	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Chi phí nhân công	225.397.926	143.524.700	225.397.926	143.524.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.975.627	36.825.627	168.975.627	36.825.627
Thuế, phí, lệ phí	8.520.000	6.000.000	8.520.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.576.717	158.605.241	131.576.717	158.605.241
Chi phí khác bằng tiền	79.818.479	48.217.245	79.818.479	48.217.245
	<u><u>614.288.749</u></u>	<u><u>393.172.813</u></u>	<u><u>614.288.749</u></u>	<u><u>393.172.813</u></u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	1.000.000
	<u>1.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	1.000.000
	<u>1.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.294.049.516	-	-	12.294.049.516
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.412.888.738	-	-	319.412.888.738
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	<b>356.706.938.254</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>356.706.938.254</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.743.999.298	-	-	5.743.999.298
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.528.692.420	-	-	134.528.692.420
Các khoản cho vay	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
	<b>149.272.691.718</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>149.272.691.718</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Vay và nợ	12.823.000.000	-	-	12.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	68.999.640.434	-	-	68.999.640.434
	<b><u>81.822.640.434</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>81.822.640.434</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	37.823.000.000	-	-	37.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	18.252.601.228	-	-	18.252.601.228
Chi phí phải trả	218.357.891	-	-	218.357.891
	<b><u>56.293.959.119</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>56.293.959.119</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp/có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
 Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**26 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 do công ty lập.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021. Theo đó số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2022 được điều chỉnh như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Thay đổi</u> VND	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	817.967.404	1.125.405.097	307.437.693	(*)
LNST chưa phân phối năm nay	421a	27.917.834.879	27.610.397.186	(307.437.693)	(*)

(\*) Công ty ghi nhận bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2021 số tiền là 307.437.693 đồng.



Hoàng Thị Kim Lan  
 Người lập



Hoàng Thị Kim Lan  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

